VỀ HÔN NHÂN GIỮA NG□ỜI ĐÀI LOAN VÀ VIỆT NAM

NGUYỄN DUY BÍNH

Hôn nhân gia đình là một trong những lĩnh vực phản ánh khá rõ những đặc tr- ng văn hoá tộc ng- ời và là một hiện t- ợng có liên quan chặt chẽ với toàn bộ hệ thống xã hội nh- kinh tế, văn hoá, giáo dục, đạo đức, pháp luật... Từ khi chúng ta thực hiện đ- ờng lối cải cách và mở cửa, có rất nhiều công ty n- ớc ngoài đến Việt Nam làm ăn và hiện t- ợng hôn nhân giữa ng- ời Việt Nam với ng- ời n- ớc ngoài đã trở nên phổ biến.

Trong khuôn khổ bài viết này, từ những góc độ khác nhau nh- kinh tế, văn hoá, đạo đức, xã hội, tác giả thử tìm hiểu những quan niệm về hôn nhân của ng- ời Đài Loan với ng- ời Việt Nam, một hiện t- ợng mà gần đây đ- ợc công luận và xã hội hết sức quan tâm.

Theo những quan niệm văn hoá truyền thống, cả ng- ời Việt Nam và ng- ời Đài Loan - những cộng đồng ng- ời nằm trong khu vực ảnh h- ởng của Nho giáo - thì hôn nhân là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong đời sống của con ng- ời. Một trong những mục đích của hôn nhân là để duy trì dòng dõi, gia tộc. Trong xã hội Trung Hoa và Việt Nam cổ truyền, "Hôn nhân không phải chỉ là sự kết hợp đơn thuần giữa hai cá nhân, mà là một công việc của cả gia đình và dòng họ" ([1]).

Trong những năm gần đây, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã đẩy nhanh quá trình quốc tế hoá sản xuất và t- bản, làm xuất hiện những hình thức hợp tác đa dạng v- ợt qua khuôn khổ biên giới quốc gia, dân tộc. Cùng với lĩnh vực kinh tế, các giá trị văn hoá đã và đang là đối t- ợng chủ yếu của quốc tế hoá, trong đó có lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

Hiện t- ợng hôn nhân giữa ng- ời Đài Loan và ng- ời Việt Nam trong những năm gần đây có chiều h- ớng gia tăng và chịu tác động của nhiều nhân tố.

Về văn hoá: Văn hoá Việt Nam và văn hoá Trung Hoa rất gần gũi nhau. Trong luận văn thạc sĩ "Sơ bộ nghiên cứu hiện t- ợng hôn nhân xuyên quốc gia Đài-Việt" đã bảo vệ tại Đài Loan, tác giả Thái Nhã Ngọc đã viết: "Từ lâu đời nay văn hoá Việt Nam là một bộ phận của văn hoá Trung Hoa, vì vậy về vấn đề văn hoá, ng- ời Hoa rất dễ dàng thích ứng" ([2]). Tôi cho rằng nhận xét nh- trên không đúng, vì văn hoá Việt Nam không phải là một bộ phận của văn hoá Trung Hoa, mà nó chỉ có nhiều điểm t- ơng đồng với văn hoá Trung Hoa, chịu ảnh h- ởng của văn hoá Trung Hoa. Trong lịch sử đã có nhiều làn sóng di c- của ng- ời Hoa vào Việt Nam và các n- ớc Đông Nam Á. Các đợt đi này th- ờng gắn bó khá chặt chẽ với tình hình chính trị, xã hội của Trung Quốc đ- ơng thời, tuy nhiên mức độ thích ứng và hoà nhập của ng- ời Hoa ở mỗi n- ớc rất khác nhau, nó tuỳ thuộc rất nhiều vào các đặc điểm tâm lý dân tộc và sự t- ơng đồng về kinh tế, văn hoá, xã hội, tín ng- ỡng của n- ớc đó.

[1] Nguyễn Duy Bính. *Hôn nhân và gia đình của ng- ời Hoa ở Nam Bộ*. Luận án Tiến sĩ lịch sử. TPHCM 1999, tr.31.

[2] Thái Nhã Ngọc. *Sơ bộ nghiên cứu hiện t- ợng hôn nhân xuyên quốc gia Đài-Việt*. Luận án Thạc sĩ. Trung Hoa Dân quốc, tháng 1/1990,.tr.5.

Về địa lý: Theo Trần Ngọc Thêm, "Với vị trí địa lý giao điểm của các luồng văn hoá, quá trình phát triển lịch sử - xã hội của Việt Nam đã bị chi phối mạnh mẽ bởi các quan hệ giao l- u văn hoá rộng rãi với Đông Nam Á, Trung Hoa, Ấn Độ và ph- ơng Tây. Trong đó, quan hệ với văn hoá Trung Hoa để lại dấu ấn sâu đậm hơn cả; nó khiến cho trong nhận thức của nhiều ng- ời có định kiến cho rằng văn hoá Việt Nam chỉ là sản phẩm của văn hoá Trung Hoa, là một bộ phận của nó; trong khi thực ra thì vấn đề phức tạp hơn nhiều" ([3]). Tác giả Thái Nhã Ngọc thì cho rằng "Việt Nam gần hơn các n- ớc ASEAN khác, đồng thời là con đ- ờng nối liền quan trọng giữa thị tr- ờng Trung Quốc với các n- ớc Đông Nam Á" ([4]).

Về chính trị: Các quan niệm trong hôn nhân của ng- ời Đài Loan với ng- ời Việt Nam còn bị chi phối bởi các chính sách của chính quyền Đài Loan và nhà n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Có thể thấy, việc Chính phủ Đài Loan hạn chế các cô dâu Trung Quốc (lục địa) đến Đài Loan, đã gián tiếp làm cho số l- ợng đàn ông Đài Loan lấy vợ Việt Nam tăng nhanh. Chính quyền Đài Loan "không hạn chế các cô dâu Đông Nam Á đến Đài Loan, nh- ng tỏ ra rất nghiêm ngặt đối với các cô dâu Trung Quốc. Tr- ớc đây muốn xin c- ới ng- ời Đông Nam Á t- ơng đối dễ, th- ờng là chỉ một năm là đ- ợc, thế nh- ng nếu là quốc tịch Trung Quốc thì phải chờ 5 đến 6 năm, thậm chí 10 năm, chính quyền còn đ- a ra hạn ngạch, chỉ tiêu cấp cho ng- ời mang quốc tịch Trung Quốc" ([5]). Từ khi Việt Nam thực hiện đ- ờng lối đổi mới, các thủ tục hành chính, cấp phép đã có những cải tiến đáng kể theo h- ớng nhanh gọn, không gây phiền hà cho các nhà đầu t- , trong đó có thủ tục đăng ký kết hôn với ng- ời n- ớc ngoài. Trong một cuộc phỏng vấn của tác giả Thái Nhã Ngọc với một ng- ời đàn ông Đài Loan làm môi giới lấy vợ Việt Nam cho thấy: "Tôi sẽ bảo con tôi lấy vợ Việt Nam, lấy vợ Trung Quốc Đại lục phiền phức lắm. Tôi cũng định lấy vợ Trung Quốc, nh- ng mà làm thủ tục lâu lắm, rất phức tạp, mà lấy vợ Việt Nam thì chẳng có gì trở ngại cả, làm thủ tục giấy tờ chỉ một lát là xong, cho nên, bây giờ tôi chỉ lấy vợ Việt Nam không lấy vợ Trung Quốc nữa"([6]). Chính sách "bình tĩnh không nóng vội" đối với Trung Quốc và chính sách h- ớng Nam đối với Đông Nam Á của Đài Loan đã thúc đẩy quan hệ mậu dịch Đài-Việt phát triển, vì vậy trong hoàn cảnh này, quan hệ thông hôn Đài-Việt đã phát triển mạnh mẽ" ([7]).

Qua nghiên cứu những chính sách có liên quan đến hôn nhân giữa Đài Loan và Việt Nam, tác giả Thái Nhã Ngọc đã thấy rằng: "Trong quá trình liên hôn Đài-Việt thì vai trò của Chính phủ Việt Nam và Đài Loan có những diễn biến không giống nhau, thái độ của Chính phủ Việt Nam là "không ủng hộ, không hạn chế", còn chính phủ Đài Loan đã t- ơng đối tích cực thực hiện một số biện pháp có liên quan đối với những cô dâu n- ớc ngoài, nh- việc thành lập những lớp học chữ và các cấp chính quyền địa ph- ơng còn tổ chức các cuộc hội đàm và những lớp t- vấn điều đó cho thấy có vai trò của họ" ([8]).

Một trong những yếu tố rất quan trọng khiến ng- ời Đài Loan thích lấy vợ Việt Nam, đó là "với chế độ XHCN, Việt Nam do một Đảng lãnh đạo, tình hình chính trị

[3] Trần Ngọc Thêm. *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. Nxb Giáo dục 1999. tr.5
[4] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn , tr.5
[5] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr28
[6] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.28
[7] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.1
[8] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.1

ổn định" ([9]). Nhiều tổ chức quốc tế và các nhà đầu t- n- ớc ngoài đều thống nhất nhận định rằng Việt Nam là nơi có hệ số an toàn để đầu t- và ổn định nhất trên thế giới. "Sự gia tăng số l- ợng cô dâu Việt Nam ở Đài Loan không hẳn chỉ đơn thuần là do trào l- u nóng của thông hôn Đài-Việt, nó còn phản ánh sự chuyển đổi vị trí kinh tế, chính trị của Đài Loan trên tr- ờng quốc tế. Từ 1989 Đài Loan bình th- ờng hoá quan hệ mậu dịch với Việt Nam, đến thiết lập quan hệ hàng hoá không trực tiếp. Có thể nói, quan hệ chính trị, kinh tế Đài-Việt ngày càng mật thiết. Từ 1994, chính phủ Đài Loan tích cực đẩy mạnh "chính sách h- ớng Nam" nhằm phân tán rủi ro đầu t- , Việt Nam từ chỗ đứng sau Thái Lan, Malaisia, Indonesia đã trở thành nơi đ- ợc Đài Loan - u đãi" ([10]).

Về kinh tế: Từ năm 1997 trở về tr- ớc, Đài Loan luôn đứng đầu trong số các n- ớc đầu t- vào Việt Nam, đến năm 1998 Đài Loan mới đứng sau Singapore.

Bảng thứ tự mức đầu t- vào Việt Nam từ 1998-1999 ([11])

Tên n- ớc	**Tổng mức đầu t- (triệu USD)**	**%**
Singapore	5736	7,95
Đài Loan	4510	6,25
Hồng Kông	3600	4,99
Nhật Bản	3333	4,62
Hàn Quốc	3124	4,33
Thiên đ- ờng miễn thuế	2122	2,94
Pháp	2035	2,82
Nga	1418	2,1
Mỹ	1253	1,74
Anh	1166	1,62
Malaysia	1115	1,55
Austraylia	1059	1,52
Thái Lan	1058	1,47
Còn lại	40501	56,12
Tổng số	72166	100

Theo Thái Nhã Ngọc thì "quan hệ kinh tế mật thiết là một trong những nguyên nhân các nhà môi giới Đài Loan đến Việt Nam, hiện t- ợng đàn ông Đài Loan khi lấy vợ n- ớc ngoài, với sự lựa chọn đầu tiên là phụ nữ Việt Nam, và quan hệ mậu dịch mật thiết Đài-Việt là một nhân tố thôi thúc các cô gái Việt Nam muốn đến Đài Loan" ([12]).

Việt Nam có nguồn tài nguyên phong phú, các nguồn lợi đáng kể về nông, lâm, ng- . Thêm vào đó, Việt Nam cũng có nguồn lao động dồi dào, tiền l- ơng nhân công rẻ, ng- ời biết chữ đạt trên 89%, tố chất của ng- ời Việt Nam khá tốt. Năm 1996 Chính phủ đã ban hành chính sách đổi mới và mở cửa. Đó là những nhân tố quan trọng ảnh h- ởng tích cực đến quá trình đầu t- của các doanh nghiệp Đài Loan vào Việt Nam, kéo theo sự phát triển quan hệ hôn nhân Đài-Việt ([13]). Từ 1994 trở về tr- ớc cô dâu n- ớc ngoài đến Đài Loan chủ yếu là ng- ời Phillippine và Indonesia, còn Việt Nam chỉ chiếm 10%, nh- ng đến 1996 số các cô dâu Việt Nam đã v- ợt Indonesia. Chỉ tính từ tháng 1/1994 đến tháng 5/2000 ở Đài Loan đã có khoảng 32.000 cô dâu Việt Nam ([14]).

[9] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.5
[10] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.4
[11] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.27
[12] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.27
[13] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.5
[14] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.4

Bảng thống kê nam giới Đài Loan đăng ký lấy vợ ng- ời Đông Nam Á từ tháng 1/1994 đến tháng 5/2000

Tên n- ớc / Thời gian	Indonesia	Malaysia	Philippine	Myanmar	Singapore	Việt Nam	Tổng số
1994	2.247	55	1.183	870	14	530 (10.8%)	4.899
1995	2.409	86	1.757	1.301	52	1.969 (26.0%)	7.574
1996	2.950	73	2.085	1.973	18	4.113 (36.7%)	11.212
1997	2.464	96	2.128	2.211	50	9.060 (56.6%)	16.009
1998	2.331	102	544	1.173	85	4.644 (52.3%)	8.879
1999	3.643	106	603	1.203	12	6.790 (54.8%)	12.384
2000	2.096	34	221	448	1	4.492 (61.6%)	7.294
Tổng cộng	16.044	518	8.300	8.758	231	31.598 (46.3%)	68.251

Ngoài những nguyên nhân đã trình bày ở trên, sự hình thành hôn nhân xuyên quốc gia Đài-Việt còn chịu ảnh h- ởng của các mạng l- ới xã hội và nhân thân họ hàng của những ng- ời đàn ông Đài Loan và phụ nữ Việt Nam tại Đài Loan. Nghĩa là những ng- ời Đài Loan công tác tại Việt Nam có mối quan hệ, quen biết với những ng- ời địa ph- ơng, nhờ mối quan hệ này mà nhiều ng- ời Đài Loan có cơ hội làm quen với phụ nữ Việt Nam. Kết quả điều tra về các cô dâu Việt Nam ở Đài Loan cho thấy chỉ có 15% là do tự mình quen biết; 62,3% do chị em thân thuộc giới thiệu; 22,6% do bạn bè ng- ời Việt giới thiệu; bạn bè ở Đài Loan chiếm 11,3% ([15]).

Trong quá trình hôn nhân Đài-Việt, ngoài mạng l- ới xã hội, quá trình tự làm quen của hai bên nam nữ thì những ng- ời môi giới cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Những ng- ời làm môi giới có thể là: 1. những ng- ời vốn làm công nhân cho Đài Loan, sau đó trở thành ng- ời môi giới; 2. những ng- ời môi giới chuyên nghiệp trong đó đa số là những th- ơng gia Đài Loan; 3. những ng- ời tự môi giới mình. Lệ phí cho một lần làm môi giới chuyên nghiệp khoảng từ 300.000-350.000 Đài tệ ([16]). Các loại hình môi giới cũng có khi qua các văn phòng giới thiệu hôn nhân hoặc công ty môi giới lao động n- ớc ngoài. Hoạt động kinh doanh môi giới phần nhiều đã đ- ợc công ty hoá, vừa kinh doanh môi giới cô dâu Việt Nam, vừa kinh doanh và môi giới các cô dâu Trung Quốc và các n- ớc Đông Nam Á khác.

[15] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.31

[16] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.7

Có những cô dâu Việt Nam, sau khi đã đến Đài Loan, họ móc nối với mạng l- ới xã hội của mình tại Việt Nam, và khi có mối, họ lập tức hoạt động môi giới. Những ng- ời này thuộc loại hình phi chính phủ, có khi chỉ có một ng- ời kinh doanh. Khi số l- ợng các cô dâu Việt Nam đến Đài Loan ngày càng gia tăng thì hoạt động môi giới cũng ngày càng phát triển. Những ng- ời môi giới chuyên nghiệp từ Đài Loan, đến Việt Nam th- ờng móc nối với những ng- ời làm mai mối ở địa ph- ơng. Trung tâm mai mối lớn th- ờng ở các thành phố lớn nh- TP Hồ Chí Minh. Những ng- ời mai mối nhỏ th- ờng ở những vùng thôn quê. Họ tìm kiếm những cô gái ch- a có chồng muốn lấy chồng Đài Loan, từ đó giới thiệu cho những mai mối lớn ở các thành phố. Lợi nhuận kiếm đ- ợc từ những dịch vụ môi giới này là rất lớn, khoảng 2000-3000 USD. Tuy nhiên phía nhà gái không thể nhận đủ số tiền trên, sau khi trả tiền cho ng- ời làm mai, có khi họ chỉ nhận đ- ợc vài trăm USD ([17]).

Về pháp luật: Có thể thấy d- luận xã hội từ hai phía Việt Nam và Đài Loan về vấn đề này là rất khác nhau. Nhà n- ớc Việt Nam luôn tôn trọng và bảo đảm quyền tự do hôn nhân của công dân, điều này đ- ợc ghi trong *Luật hôn nhân và gia đình* của n- ớc CHXHCN Việt Nam đ- ợc thông qua ngày 29/12/1986 gồm 10 ch- ơng và 57 điều; trong đó, Điều 6 quy định: Việc hôn nhân do nam nữ tự nguyện quyết định, không bên nào đ- ợc ép buộc bên nào. Những ng- ời kết hôn phải đ- ợc tự do bày tỏ ý nguyện về việc kết hôn của mình trên cơ sở tình yêu chân chính. Không bên nào đ- ợc ép buộc bên nào, những ng- ời khác không đ- ợc ép buộc hoặc cản trở các bên nam nữ tự nguyện kết hôn, kể cả cha mẹ họ ([18]).

Đ- ơng nhiên, d- luận Việt Nam về vấn đề hôn nhân Đài-Việt cũng không đồng nhất. Trên các ph- ơng tiện thông tin đại chúng có nhiều bài viết d- ới nhiều góc độ. Bài viết đăng trên báo Phụ nữ ngày 11/9/1996 mà tác giả Thái Nhã Ngọc dẫn ra: "Hầu hết phụ nữ Việt Nam vì đồng tiền lấy chồng Đài Loan, các cô gái Việt Nam xếp hàng nh- nô lệ cho đám đàn ông tuyển lựa, thử hỏi làm sao có tình yêu?" ([19]). Thái Nhã Ngọc cho rằng quan điểm này của Chính phủ là ch- a xác đáng. Tôi cho rằng, bài viết trên chỉ là quan điểm của một ng- ời, hoặc một số ng- ời trong đó có tác giả bài báo trên. Đó không phải là lập tr- ờng của Chính phủ Việt Nam, lại càng không phải là quan điểm của tất cả nhân dân Việt Nam. Có thể d- ới góc độ văn hoá, thuần phong mỹ tục của Việt Nam và ngay cả của Đài Loan, hình ảnh các cô gái trẻ đứng xếp hàng để đ- ợc chọn nh- những món hàng, thậm chí có những cô còn rất trẻ, chỉ đáng tuổi con, tuổi cháu của những chú rể đáng tuổi cha, tuổi ông là rất xa lạ đối với Việt Nam. Song tôi đ- ợc biết ch- a có tr- ờng hợp nào những ng- ời lớn tuổi lại bị cấm kết hôn với những ng- ời trẻ và ng- ợc lại.

Có lẽ d- luận xã hội rất bất bình với những cô gái vì đồng tiền chấp nhận lấy một số ng- ời quá già hoặc có một khuyết tật gì đó, để rồi lại làm thủ tục "để lấy một

[17] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.46.

[18] Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, Báo Nhân dân 9/1/1987

[19] Thái Nhã Ngọc, đã dẫn, tr.74

ông chồng Đài Loan thứ hai"; hay có những bậc cha mẹ cũng vì đồng tiền, thậm chí chỉ 6 triệu đồng, phải gả đứa con của mình cho một ng- ời Đài Loan mắc bệnh lơ ngơ để một năm sau phải li dị; hoặc những kẻ "cò mồi" ăn chặn tiền của những cô gái quê mà báo chí th- ờng gọi "Những thôn nữ hi sinh cho gia đình" ([20]). D- luận Việt Nam cũng thấy bất bình th- ờng tr- ớc hiện t- ợng "lấy chồng Đài Loan một cách ào ạt, rồi cũng li hôn ào ạt nh- vậy". Theo một thống kê có tên gọi CARAM thì đã có hơn 60.000 phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan ([21]). Ch- ơng trình này đ- ợc dịch là "Can thiệp cùng với cộng đồng về cô dâu Việt Nam" sẽ đ- ợc triển khai ở một số tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ với sự tổ chức của Phòng nghiên cứu và hỗ trợ lao động di động (thuộc Hội Tâm lý giáo dục Tp. Hồ Chí Minh) và đ- ợc tài trợ kinh phí của các tổ chức phi chính phủ quốc tế. Mục đích của ch- ơng trình là trao thêm thông tin, kiến thức về thế giới bên ngoài cho gia đình và các cô gái nông thôn để cho họ có thêm lựa chọn.

Theo kết quả nghiên cứu của Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Cần Thơ thì từ năm 1998 đến nay có trên 6.000 phụ nữ Cần Thơ kết hôn với ng- ời n- ớc ngoài mà đa số là ng- ời Đài Loan. Tuổi kết hôn của những cô gái này từ 18 đến 25 chiếm 78,7%; đặc biệt có 10,6% d- ới 18 tuổi nh- ng khai gian để đ- ợc kết hôn. Trong số họ, 81% là con nông dân; 90% con các gia đình nghèo khó nợ nần; 8% không đăng ký kết hôn nh- ng vẫn làm đám c- ới rồi sống chung với nhau nh- vợ chồng. Về hoàn cảnh của họ: có 79 % do gia đình khó khăn, 65% thất nghiệp, 62% cần tiền để giải quyết công việc tr- ớc mắt; 60,5% do trình độ học vấn, thiếu hiểu biết, 47% thích lấy chồng ngoại. Kết quả thống kê cũng cho thấy có 15,2% do gia đình thúc ép. Trong năm 2001 và 8 tháng đầu năm 2002, toà án tỉnh đã giải quyết 253 vụ ly hôn với ng- ời n- ớc ngoài, trong đó có 128 vụ đối với ng- ời Đài Loan ([22]).

Ở xã Cù Lao Tân Lộc huyện Thốt Nốt tỉnh Cần Thơ, số phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan đông đến mức ng- ời ta còn đặt cho xã này là "Đảo Đài Loan". Những ng- ời lấy chồng Đài Loan có cuộc sống ổn định và hạnh phúc không ít, tuy nhiên cũng có những tr- ờng hợp rất đáng tiếc nh- : "Có một cô phải bỏ Đài Loan trở về vì phải phục vụ cả chồng và ông bố chồng", rất nhiều tr- ờng hợp bị ng- ợc đãi, đánh đập.

Ông David Ngô - Chủ nhiệm Văn phòng đại diện Văn hoá kinh tế Đài Bắc tại TP. Hồ Chí Minh cho biết: "Tôi không có ý nói là những cuộc hôn nhân xuyên quốc gia thì không xảy ra những bi kịch, nh- ng cần nhận thấy tỉ lệ thất bại của các cô gái Việt Nam kết hôn với ng- ời Đài Loan thấp hơn nhiều so với các tr- ờng hợp tan vỡ hôn nhân giữa ng- ời bản xứ ở Việt Nam hoặc Đài Loan. Con số thống kê của các cuộc hôn nhân Đài - Việt tan vỡ mỗi năm xấp xỉ 8%. Lý do chính của li hôn là rào cản ngôn ngữ, sự cách biệt về lối sống, mâu thuẫn quan hệ trong gia đình chồng, lỗ hổng nhận thức hoặc các trông chờ không thực tế tr- ớc khi cô dâu sang Đài Loan" ([23]).

[20] Tuổi trẻ Chủ Nhật số 38 ngày 29/9/2002
[21] Tuổi trẻ Chủ Nhật số 38 ngày 29/9/2002
[22] Tuổi trẻ Chủ Nhật số 38 ngày 29/9/2002
[23] Tuổi trẻ Chủ Nhật số 38 ngày 29/9/2002

Từ năm 1999 Đài Loan đã yêu cầu 21 thành phố, huyện và 2 thành phố trực thuộc là Đài Bắc, Cao Hùng có những biện pháp hỗ trợ các cô dâu n- ớc ngoài khắc phục những vấn đề về ngôn ngữ, sự cách biệt về văn hoá, cách sống, lối sống. Thành phố Cao Hùng đã đạt đ- ợc những thành công nhất định trong việc dạy ngôn ngữ, cách làm mẹ và chăm sóc con cái, làm quen với phong tục tập quán, cách chi tiêu trong gia đình, kiến thức pháp luật cho các cô dâu Việt Nam. Một số thành phố còn có cả ch- ơng trình phát thanh bằng tiếng Việt, và nạn bạo hành trong gia đình sẽ đ- ợc bảo vệ bằng pháp luật.

Từ thực trạng vừa trình bày trên đây có thể rút ra một số điểm nh- sau:

Hiện t- ợng hôn nhân Đài - Việt trong những năm gần đây phản ánh một cách chân thực xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế thế giới, và Việt Nam không nằm ngoài quy luật đó. Những công dân Đài Loan lấy vợ Việt Nam theo đúng các trình tự của pháp luật Việt Nam, trên nguyên tắc tự nguyện của hai bên là đúng với pháp luật, và không phải tất cả phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan là bất hạnh. Những ng- ời kết hôn qua quen biết tiếp xúc, tìm hiểu kỹ l- ỡng đều có đ- ợc tổ ấm gia đình hạnh phúc.

Nội hôn tộc ng- ời là một trong các quy tắc hôn nhân th- ờng thấy. Cho nên, ở một số địa ph- ơng hiện t- ợng có rất nhiều phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan nh- cách gọi của một số ng- ời là "đảo Đài Loan" lại là một hiện t- ợng không bình th- ờng. Rõ ràng hiện t- ợng này gắn liền với các vấn đề kinh tế, trình độ văn hoá, công ăn việc làm mà chính quyền địa ph- ơng không thể không tính đến.

Chính quyền địa ph- ơng cần có những ch- ơng trình t- vấn về hôn nhân và gia đình cho nam nữ thanh niên, mở nhiều hơn nữa các lớp dạy nghề, tạo công ăn việc làm cho thanh niên, để họ có thể tự lập. Tôi đồng tình với kiến nghị của Phòng nghiên cứu và hỗ trợ lao động di động, hội Tâm lý giáo dục Tp. Hồ Chí Minh, là để các cuộc hôn nhân này có kết quả tốt hơn, cần phải có các điều kiện nh- sau:

1. Các cô dâu Việt Nam phải học nói thành thạo tiếng Hoa và viết đ- ợc, nếu có thể.

2. Phải tìm hiểu rõ ng- ời và gia đình ng- ời Đài Loan mà mình sắp kết hôn.

3. Phải biết rõ phong tục, tập quán, nếp sống của ng- ời Đài Loan.

4. Cô dâu Việt Nam và chú rể Đài Loan phải đ- ợc khám sức khoẻ tr- ớc khi kết hôn.

5. H- ớng dẫn cho các cô dâu Việt Nam về vấn đề sức khoẻ và các loại bệnh lây truyền qua đ- ờng tình dục nh- AID/HIV, các ph- ơng pháp tránh thai.

6. L- u ý các hiện t- ợng ly hôn giả để lấy vợ lẽ ng- ời Việt.

7. Có các biện pháp hữu hiệu để chống nạn bạo lực trong gia đình, các hiện t- ợng mua bán phụ nữ.

8. Cung cấp địa chỉ, số điện thoại của văn phòng, các tổ chức xã hội có liên quan để các cô dâu Việt Nam liên hệ khi cần thiết.

9. Cần uốn nắn lại và kiên quyết ngăn chặn các hiện t- ợng ăn chặn trong mai mối hôn nhân.